

Số: 677 /TB-CĐĐS

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO

Về kết quả xét duyệt nâng bậc lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn, nâng ngạch, chuyển xếp lương 6 tháng cuối năm 2020 cho cán bộ, viên chức và người lao động

Kính gửi: Các đơn vị trong toàn Trường

Căn cứ vào Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước kỳ hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Quyết định số 1023/QĐ-ĐS ngày 31/7/2013 của Đường sắt Việt Nam về việc ban hành Quy chế nâng ngạch, nâng bậc và chuyển xếp lương đối với viên chức quản lý chuyên trách và người lao động;

Căn cứ vào Quy chế nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn, nâng ngạch, chuyển xếp lương đối với cán bộ, viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành ngày 25/4/2016.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 Hội đồng lương Nhà trường đã họp xét duyệt nâng bậc lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn, nâng ngạch, chuyển xếp lương 6 tháng cuối năm 2020 cho cán bộ, viên chức và người lao động. Sau khi xem xét thời gian giữ bậc lương và thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác được giao Hội đồng lương nhà trường nhất trí thông qua kết quả họp xét duyệt sau:

I- Nâng bậc lương thường xuyên 6 tháng cuối năm 2020 cho 25 người:

+ Hội đồng lương nhất trí đề nghị nâng bậc lương thường xuyên cho 25 ông, bà đạt đủ các tiêu chuẩn qui định: Hoàn thành nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật lao động, đủ thời gian nâng bậc lương theo quy định.

Trong đó Bộ phận Hà Nội 16 người, Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng 05 người, Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam 04 người (Có danh sách kèm theo).

II. Chuyển xếp lương đối với 01 trường hợp:

Bà Nguyễn Hoàng Phương (06/01/1984) hiện đang công tác tại Phòng Đào tạo; thuộc ngạch lương Kế toán viên Mã số 06.031; Bậc lương 4/9; Hệ số 3.33; Thời gian hưởng tháng 11/2017;

Đồng ý thông qua phương án chuyển xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức đối với bà Nguyễn Hoàng Phương: từ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên, mã số 06.031 sang ngạch lương Chuyên viên, mã số 01.003 thuộc bảng lương chuyên môn nghiệp vụ.

III- Xét đề nghị hưởng phụ cấp Thâm niên vượt khung 6 tháng cuối năm 2020 cho 07 trường hợp:

Hội đồng nhất trí đề nghị nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 07 trường hợp đạt đủ tiêu chuẩn theo qui định (có danh sách kèm theo).

Vậy Hiệu trưởng thông báo đến toàn thể CBCNV trong trường biết, mọi ý kiến (nếu có) yêu cầu liên hệ đ/c Đặng Trung Kiên (Phòng TC-HC) thời gian trước ngày 28 tháng 8 năm 2020 ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ĐU, CĐ;
- BGH; CTHĐ Trường;
- Lưu: TC-HC; VT.



Phạm Văn Chánh



Kèm theo thông báo số 634/TB-CDD.S. ngày 10 tháng 8 năm 2020

**SÁCH CB, GV, NV TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỀU SẮT
ĐỀ NGHỊ NÂNG LƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng						Đề nghị nâng bậc						Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng			
1	2	3	4	4	5	6	7	8	8	9	10	11	13		
A-Nâng lương thường xuyên 36 tháng															
I-Bộ phận Hà Nội															
1	Nguyễn Văn Thiệu (20/10/1978)	Giảng viên Phòng Đào tạo	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	5/9	3.66	7/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	7/2020			
2	Lê Đức Tiến (25/6/1983)	Giảng viên trung tâm NCC&CG KHCN	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	2/9	2.67	7/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	3/9	3.00	7/2020			
3	Nguyễn Thị Quế (06/8/1976)	Giảng viên Khoa Cơ bản	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	10/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	7/9	4.32	10/2020			
4	Trịnh Thị Huyền (17/11/1976)	Phó trưởng Khoa Cơ bản	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	10/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	7/9	4.32	10/2020			
5	Trương Thị Hoa Huyền (10/8/1976)	Giảng viên Khoa CNTT-Điện	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	10/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	7/9	4.32	10/2020			
6	Phạm Hương Thủy (23/10/1983)	Giảng viên, Khoa Vận tải kinh tế	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	4/9	3.33	11/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	5/9	3.66	11/2020			
7	Đặng Thị Phương Thảo (12/10/1990)	Giảng viên Khoa Công trình Cơ khí	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	2/9	2.67	11/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (tháng III)	V.09.02.03	3/9	3.00	11/2020			

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng							Đề nghị nâng bậc							Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng					
1	2	3	4	4	5	6	7	8	8	9	10	11	13				
8	Nguyễn Tiến Dũng (13/10/1979)	Giảng viên Phòng Công tác HSSV	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	4/9	3.33	12/2017	(Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III))	V.09.02.03	5/9	3.66	12/2020					
9	Lại Tuấn Khanh (21/11/1987)	Giảng viên Khoa Đầu máy Tọa xe	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	3/9	3.00	12/2017	(Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III))	V.09.02.03	4/9	3.33	12/2020					
10	Đoàn Anh Tuấn (23/12/1976)	Phó trưởng phòng Đào tạo	Viên chức loại A1	01.003	6/9	3.99	10/2017	Viên chức loại A1	01.003	7/9	4.32	10/2020					
11	Nguyễn Thị Hương (24/4/1985)	Chuyên viên, Phòng Đào tạo	Viên chức loại A1	01.003	3/9	3.00	10/2017	Viên chức loại A1	01.003	4/9	3.33	10/2020					
12	Vũ Hoàng Hùng (08/02/1986)	Chuyên viên, Phòng Đào tạo	Viên chức loại A1	01.003	2/9	2.67	10/2017	Viên chức loại A1	01.003	3/9	3.00	10/2020					
13	Võ Thị Bích Thủy (03/02/1969)	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Viên chức loại A2	01.002	4/8	5.42	11/2017	Viên chức loại A2	01.002	5/8	5.76	11/2020					
14	Phạm Thị Phương Nga (17/4/1980)	Chuyên viên Phòng QLTB&XD CB	Viên chức loại A1	01.003	4/9	3.33	11/2017	Viên chức loại A1	01.003	5/9	3.66	11/2020					
II- Phân hiệu CBDS Đà Nẵng																	
15	Nguyễn Đức Quân (10/10/1982)	Giảng viên	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	5/9	3.66	7/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	7/2020					
16	Đoàn Thị Hương (02/6/1986)	Giảng viên	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	3/9	3.00	9/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	4/9	3.33	9/2020					
17	Nguyễn Văn Hợp (01/01/1981)	Giảng viên	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	5/9	3.66	12/2017	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3.99	12/2020					
III- Phân hiệu CBDS Phía Nam																	

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng							Đề nghị nâng bậc					Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng			
1			3	4	4	5	6	7	8	8	9	10	11	13	
18	Trương Thành Trung (04/6/1973)	Phó Giám Đốc	(Giảng viên giáo dục nghề nghiệp kỹ thuật (thang III))	V.09.02.03	7/9	4.32	12/2017	(Giảng viên giáo dục nghề nghiệp kỹ thuật (thang III))	V.09.02.03	8/9	4.65	12/2020			
19	Phan Thị Hiền (22/6/1979)	Giảng viên	(Giảng viên giáo dục nghề nghiệp kỹ thuật (thang III))	V.09.02.03	5/9	3.66	10/2017	(Giảng viên giáo dục nghề nghiệp kỹ thuật (thang III))	V.09.02.03	6/9	3.99	10/2020			
20	Nguyễn Nguyệt Thu (09/09/1981)	Giảng viên	(Giảng viên giáo dục nghề nghiệp kỹ thuật (thang III))	V.09.02.03	5/9	3.66	10/2016	(Giảng viên giáo dục nghề nghiệp kỹ thuật (thang III))	V.09.02.03	6/9	3.99	08/2020	Kéo dài nâng lương do (K) cạnh cao và Nghỉ không lương 4 tháng)		
-	B-Nâng lương thường xuyên 24 tháng														
	I-Bộ phận Hà Nội														
21	Lại Thị Phương Chi (29/6/1986)	Tổ trưởng tổ Vệ sinh môi trường, phòng Tổ chức - Hành chính	Y sỹ	16.119	5/12	2.66	7/2017	Y sỹ	16.119	6/12	2.86	7/2020			
	II- Phân hiệu CDBS Đà Nẵng														
22	Phạm Long Biên (02/01/1984)	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	01.011	5/12	2.22	10/2018	Nhân viên bảo vệ	01.011	6/12	2.40	10/2020			
23	Hà Như Dũng (20/5/1979)	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	01.011	6/12	2.40	10/2018	Nhân viên bảo vệ	01.011	7/12	2.58	12/2020			
	III- Phân hiệu CDBS Phía Nam														
24	Nguyễn Thị Huyền (17/11/1979)	Nhân viên phục vụ	Nhân viên phục vụ	01.009	9/12	2.44	10/2018	Nhân viên phục vụ	01.009	10/12	2.62	10/2020			

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng							Đề nghị nâng bậc							Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng					
1	2	3	4	4	5	6	7	8	8	9	10	11	13				
	D-Chuyên xếp ngạch lương																
	Bộ phận Hà Nội																
25	Nguyễn Hoàng Phương (06/01/1984)	Kế toán, Phòng Đào tạo	Viên chức loại A1	06.031	4/9	3.33	11/2017	Chuyên viên	01.003	5/9	3.66	11/2020	Thời gian chuyên xếp lương từ tháng 8/2020				

DANH SÁCH CB, GV, NV TRƯỜNG CAO ĐẲNG DƯỠNG SẮT ĐỀ NGHỊ XÉT HƯỞNG PHỤ CẤP TNVK 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020
(Kèm theo thông báo số 677/TTB-CDDS, ngày 20 tháng 8 năm 2020)

STT	Họ và tên	Chức danh	Mã ngạch	Hệ số Lương	Tỷ lệ % TNVK đang hưởng	Tỷ lệ TNVK mới	Thời điểm tính hưởng PCTNVK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7		
I-Bộ phận Hà Nội								
1	Dương Văn Luân (14-08-1967)	Tổ trưởng tổ Bảo vệ	01.011	3,48	23%	24%	07/2020	
2	Nguyễn Khắc Châu (02-9-1962)	Trưởng khoa Đầu máy-Toa xe	V.09.02.03	4,98	14%	15%	10/2020	
3	Dương Thị Thu (15-12-1965)	Nhân viên phục vụ	01.009	2,98	24%	25%	10/2020	
4	Nguyễn Anh Tuấn (06/02/1965)	Phó trưởng Khoa Đầu máy-Toa xe	V.09.02.03	4,98		5%	11/2020	
II-Phân hiệu CDDS Đà Nẵng								
5	Bùi Danh Minh (10-6-1962)	Giảng viên, Phân hiệu CDDS Đà Nẵng	V.09.02.03	4,98	10%	11%	12/2020	
III-Phân hiệu CDDS Phía Nam								
6	Phạm Đình Trang (10/04/1964)	Nhân viên, Phân hiệu CDDS Phía Nam	01.011	3,48	5%	6%	07/2020	
7	Phạm Khắc Toàn (20/10/1970)	Nhân viên Phân hiệu CDDS Phía Nam	01.007	3,63	7%	8%	12/2020	